

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Số: 1485 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 07 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch kiểm tra tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, dự toán Ngân sách Nhà nước, kế hoạch đầu tư công, các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 đợt 2 năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2023 tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quyết định dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm tra tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, dự toán Ngân sách Nhà nước, kế hoạch đầu tư công, các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 đợt 2 năm 2023.

Điều 2. Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các đơn vị tổng hợp, báo cáo (qua sở Kế hoạch và Đầu tư) để xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, CV KT, VX, TH, phòng QT-TV, phòng TC-HC, TT Thông tin;
- Lưu: VT, TH (Đ).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh
Hoàng Xuân Ánh

KẾ HOẠCH

Kiểm tra tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, dự toán Ngân sách Nhà nước, kế hoạch đầu tư công, các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 đợt 2 (tháng 11/2023)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 07/11/2023
của UBND tỉnh Cao Bằng)*

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Mục đích

Kiểm tra, đánh giá tình hình và đơn đốc việc triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; dự toán Ngân sách Nhà nước; Kế hoạch đầu tư công; Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh nhằm phát huy những mặt tích cực, phát hiện và tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện; chấn chỉnh kịp thời các sai phạm, yếu kém; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các địa phương, đơn vị trong chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công.

2. Yêu cầu

Nắm bắt, đánh giá đúng thực tế tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước, Kế hoạch đầu tư công, các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh; những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của địa phương trong quá trình triển khai thực hiện; những nhiệm vụ, giải pháp trong những tháng cuối năm 2023 và trong thời gian tới.

Quá trình kiểm tra đảm bảo chất lượng, hiệu quả, chuẩn bị kỹ nội dung, chương trình làm việc; kết hợp giữa việc nghe báo cáo với kiểm tra thực tế để nắm chắc tình hình, kịp thời đề xuất hướng giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, kiến nghị của đơn vị.

II. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN, HÌNH THỨC KIỂM TRA

1. Nội dung kiểm tra

- Báo cáo tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2023 theo kế hoạch của UBND tỉnh giao và kế hoạch của HĐND huyện, thành phố (*báo cáo nêu rõ những kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ*

quan; nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong thời gian tới; đề xuất, kiến nghị).

- Báo cáo tình hình phân bổ, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 và tình hình triển khai 03 Chương trình mục tiêu quốc gia:

(i) Tình hình triển khai các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và công tác chỉ đạo, điều hành, tháo gỡ khó khăn cho từng dự án của người đứng đầu đơn vị từ đầu năm 2023 đến thời điểm kiểm tra;

(ii) Tình hình phân bổ vốn, giải ngân chi tiết đến từng dự án đến ngày 31/10/2023 (bao gồm các dự án thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia); từng nguồn vốn bao gồm: vốn năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023; vốn kế hoạch năm 2023; ước kết quả giải ngân đến hết ngày 31/12/2023 và đến hết ngày 31/01/2024;

(iii) Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong thời gian tới; các đề xuất, kiến nghị giải quyết những khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền.

- Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng tỉnh, UBND huyện Trùng Khánh và UBND huyện Thạch An báo cáo thêm nội dung về tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Các huyện, thành phố có dự án đường Cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (Cao Bằng) triển khai qua địa bàn báo cáo thêm nội dung tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Báo cáo thuyết minh bằng lời và tổng hợp số liệu theo đề cương và biểu mẫu đính kèm.

2. Đơn vị được kiểm tra:

- UBND các huyện, thành phố.
- Ban Quản lý Dự án đầu tư và xây dựng tỉnh.
- Ban Quản lý dự án đầu tư các công trình giao thông tỉnh.
- Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh.
- Một số sở, ngành liên quan.

3. Thời gian kiểm tra: Tháng 11- tháng 12/2023 *(thời gian cụ thể do Trưởng các Đoàn kiểm tra quyết định và sẽ có thông báo chính thức đến các thành viên đoàn kiểm tra và đơn vị được kiểm tra)*

4. Hình thức kiểm tra: Làm việc trực tiếp, nghe báo cáo kết hợp kiểm tra thực tế.

III. THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA

1. Đoàn kiểm tra số 01:

1.1. Đơn vị được kiểm tra: UBND huyện Bảo Lâm; UBND huyện Bảo Lạc; UBND thành phố Cao Bằng; Ban Quản lý dự án đầu tư các công trình giao thông tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

1.2. Thành phần Đoàn kiểm tra:

- Trưởng đoàn: Ông Hoàng Xuân Ánh, Chủ tịch UBND tỉnh.
- Phó Trưởng đoàn: Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Các thành viên: Đại diện Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh; Ban Dân tộc; các Sở: Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục Thuế tỉnh và các sở, ngành có liên quan.

(Phụ thuộc vào từng đơn vị kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra sẽ điều chỉnh thành viên đoàn kiểm tra thuộc các sở, ban, ngành).

2. Đoàn kiểm tra số 02:

2.1. Đơn vị được kiểm tra: UBND huyện Nguyên Bình, UBND huyện Hòa An, UBND huyện Hà Quảng.

2.2. Thành phần Đoàn kiểm tra:

- Trưởng đoàn: Bà Nguyễn Bích Ngọc, Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
- Phó Trưởng đoàn: Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Thành viên tham gia đoàn: Đại diện Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh; Ban Dân tộc; các Sở: Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục Thuế tỉnh và các sở, ngành có liên quan.

(Phụ thuộc vào từng đơn vị kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra sẽ điều chỉnh thành viên đoàn kiểm tra thuộc các sở, ban, ngành).

3. Đoàn kiểm tra số 03:

3.1. Đơn vị được kiểm tra: UBND huyện Quảng Hòa, UBND huyện Hạ Lang, Ban Quản lý Dự án đầu tư và xây dựng tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

3.2. Thành phần Đoàn kiểm tra:

- Trưởng đoàn: Ông Nguyễn Trung Thảo, Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
- Phó Trưởng đoàn: Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Thành viên tham gia đoàn: Đại diện Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh; Ban Dân tộc; các Sở: Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục Thuế tỉnh và các Sở, ngành có liên quan.

(Phụ thuộc vào từng đơn vị kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra sẽ điều chỉnh thành viên đoàn kiểm tra thuộc các sở, ban, ngành).

4. Đoàn kiểm tra số 04:

4.1. Đơn vị được kiểm tra: UBND huyện Trùng Khánh, UBND huyện Thạch An, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh.

4.2. Thành phần Đoàn kiểm tra:

- Trưởng đoàn: Ông Trịnh Trường Huy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
- Phó Trưởng đoàn: Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Thành viên tham gia đoàn: Đại diện Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh; Ban Dân tộc; các Sở: Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục Thuế tỉnh và các Sở, ngành có liên quan.

(Phụ thuộc vào từng đơn vị kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra sẽ điều chỉnh thành viên đoàn kiểm tra thuộc các sở, ban, ngành).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các địa phương được kiểm tra xây dựng báo cáo tập trung vào những vấn đề trọng tâm theo nội dung tại điểm 1, mục II nêu trên, gửi Đoàn kiểm tra *(đồng thời gửi bản mềm cho phòng Tổng hợp – Văn phòng UBND tỉnh qua thông tin điều hành và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư theo địa chỉ: tonghopquyhoach.sokhdt@caobang.gov.vn)* chậm nhất **ngày 15/11/2023** để tổng hợp, phục vụ công tác kiểm tra. Thủ trưởng các đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ nộp báo cáo).

2. Các thành viên Đoàn kiểm tra sắp xếp thời gian tham gia đoàn đầy đủ, chuẩn bị các nội dung liên quan theo nhiệm vụ của sở, ngành mình để trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc những khó khăn, vướng mắc các đơn vị được kiểm tra.

3. Các đơn vị được kiểm tra bố trí địa điểm, thành phần làm việc, chuẩn bị nội dung làm việc với Đoàn kiểm tra.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, trả lời các đề xuất, kiến nghị của các đơn vị được kiểm tra; Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan đề xuất tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết những khó khăn, vướng mắc đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; Xây dựng dự thảo Thông báo kết luận của Lãnh đạo UBND tỉnh, gửi UBND tỉnh chậm nhất sau 05 ngày làm việc tại đơn vị.

5. Văn phòng UBND tỉnh xây dựng lịch kiểm tra, thông báo thành phần, thời gian, chương trình làm việc cụ thể với từng đơn vị được kiểm tra./.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

(Phần thuyết minh)

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO

.....

I. Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

1. Công tác chỉ đạo, điều hành
2. Tình hình thực hiện
3. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc
4. Giải pháp của đơn vị
5. Đề xuất, kiến nghị
- 5.1. Thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh
- 5.2. Thuộc thẩm quyền của TW

II. Về dự toán Ngân sách nhà nước

Theo kết cấu tại mục I

III. Về tình hình phân bổ, giải ngân Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023, vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023

Theo kết cấu tại mục I

IV. Về triển khai thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có)

Theo kết cấu tại mục I

V. Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội (nếu có)

Theo kết cấu tại mục I

VI. Tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao thuộc Dự án đường cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (Cao Bằng) (nếu có)

Theo kết cấu tại mục I

BIỂU MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
(Số liệu cập nhật đến ngày tháng năm 2023)

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn/danh mục dự án	Tổng mức đầu tư dự án				Lũy kế vốn đã giải ngân từ KC đến 31/01/2023	Kế hoạch vốn			Giá trị giải ngân đến ngày 31/10/2023			Tỷ lệ giải ngân đến 31/10/2023 (%)			Ước giá trị giải ngân đến ngày 31/12/2023			Tỷ lệ giải ngân đến 31/12/2023 (%)			Ghi chú (nếu khó khăn, vướng mắc từng dự án)
		Số, ngày, tháng năm quyết định	TMDT	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
				NSTW	NSDP			Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023	Kế hoạch năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023	KH năm 2023		KH năm 2022 kéo dài sang năm 2023	KH năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023	KH năm 2023				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TỔNG SỐ																					
A	Vốn ngân sách địa phương																					
1	Chỉ xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước																					
1.1	Tỉnh bố trí																					
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2022																					
	Dự án.....																					
b	Các dự án chuẩn bị đầu tư																					
	Dự án.....																					
c	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023																					
	Dự án.....																					
d	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																					
	Dự án.....																					
đ	Các dự án khởi công mới năm 2023																					
	Dự án.....																					
1.2	Huyện bố trí (phân loại dự án như mục 1.1 phần A)																					
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất (phân loại dự án như mục 1.1, phần A)																					
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết (phân loại dự án như mục 1.1, phần A)																					
4	Nguồn vốn..... (phân loại dự án như mục 1.1, phần A)																					
B	Vốn ngân sách trung ương																					
1	Vốn trong nước (phân loại dự án như mục 1.1, phần A)																					
1.1	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực																					
1.2	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội																					
2	Vốn nước ngoài (phân loại dự án như mục 1.1, phần A)																					

TT	Nguồn vốn/danh mục dự án	Tổng mức đầu tư dự án				Lũy kế vốn đã giải ngân từ KC đến 31/01/2023	Kế hoạch vốn			Giá trị giải ngân đến ngày 31/10/2023			Tỷ lệ giải ngân đến 31/10/2023 (%)			Ước giá trị giải ngân đến ngày 31/12/2023			Tỷ lệ giải ngân đến 31/12/2023 (%)			Ghi chú (nếu khó khăn, vướng mắc từng dự án)
		Số, ngày, tháng năm quyết định	TMDT	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
				NSTW	NSDP			Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023	Kế hoạch năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023	KH năm 2023		KH năm 2022 kéo dài sang năm 2023	KH năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023	KH năm 2023				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
3	Các Chương trình MTQG (chỉ báo cáo theo tổng số vốn)																					
3.1	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN																					
3.2	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững																					
3.3	Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới																					
C	VỐN NƯỚC NGOÀI VAY LẠI TỪ CHÍNH PHỦ																					
D	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC																					
1	Nguồn tăng thu ngân sách địa phương (bao gồm nguồn thu sử dụng đất)																					
2	Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh																					
3	Nguồn thu hợp pháp khác																					
Ghi chú: Nếu khó khăn, vướng mắc của từng dự án ở cột ghi chú																						

Ghi chú: Nếu khó khăn, vướng mắc của từng dự án ở cột ghi chú